

VIỆT NAM - TÂM NHÌN 2050

TRẦN XUÂN KIÊN^(*). **Việt Nam - Tâm nhìn 2050**. H.: Thanh niên, 2006, 327 tr.

MAI DIÊN
lược thuật

Việt Nam đã có hơn 20 năm tiến hành đổi mới với những thành tựu kinh tế to lớn, giải quyết được nhiều vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là vấn đề xoá đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội. Những thành công đó chứng tỏ tính đúng đắn của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ nhận thức về những chuyển biến đã và đang diễn ra ở Việt Nam với cả cơ hội lẫn thách thức cho quá trình phát triển, cuốn sách đã đề cập đến những nội dung chủ yếu sau:

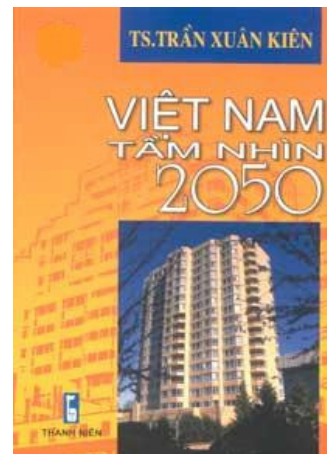
Phần 1: Chiến lược tạo vốn

Trên cơ sở kế thừa một số học thuyết kinh tế của các nhà kinh tế đến nay, tác giả đưa ra định nghĩa về vốn và vốn trong nước với tính cách là nhân tố đóng vai trò quan trọng, quyết định trong việc tạo ra của cải vật chất và những tiến bộ xã hội, trong việc chuyển dịch cơ cấu và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

“Vốn hiểu theo nghĩa hẹp là tiềm lực về tài chính của mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia, còn vốn hiểu theo nghĩa rộng bao gồm nguồn nhân lực, nguồn tài lực, chất xám, tiền bạc,

thương hiệu, các quan hệ thị trường đã tích lũy của một cá nhân, một doanh nghiệp hay một quốc gia”.

“Vốn trong nước là toàn bộ những yếu tố cần thiết để cấu thành quá trình



sản xuất - kinh doanh, được hình thành nên từ các nguồn lực kinh tế và sản phẩm thặng dư của nhân dân lao động qua nhiều thế hệ trong mỗi gia đình, mỗi

doanh nghiệp và cả quốc gia”.

Theo tác giả, quá trình tích tụ và tập trung vốn trong ngành công nghiệp Việt Nam có hai đặc điểm cơ bản: một là quy mô lớn và tăng nhanh (số liệu minh họa trích theo Thời báo Kinh tế Việt Nam ngày 6/12/1997); hai là vốn nhà nước đóng vai trò chi phối, điều tiết trong tổng số vốn sở hữu của ngành

^(*) TS., Phó Chánh văn phòng Ban Tuyên giáo TW.

công nghiệp, mặc dù vốn tích tụ và tập trung từ các hộ gia đình và các thành phần kinh tế ngày càng tăng thêm trong tổng số vốn đầu tư phát triển các doanh nghiệp công nghiệp. Chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự hình thành hai đặc điểm này, phân tích nhu cầu về vốn trong ngành công nghiệp Việt Nam, kinh nghiệm tích tụ và tập trung vốn trong nước của một số nước Đông Nam Á và Trung Quốc, tác giả đã nêu sáu định hướng tích tụ và tập trung vốn để phát triển công nghiệp Việt Nam:

1) Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước (nguồn lực con người, các thông tin và bản quyền phát minh sáng chế, công nghệ và các giải pháp quản lý, nguồn lực tài nguyên, khoáng sản), biến những khả năng tiềm ẩn thành vốn hiện thực.

2) Cân đối với đầu tư trong và ngoài nước, trong đó vốn trong nước là quyết định cho sự phát triển công nghiệp.

3) Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa tích tụ và tập trung để phát triển nguồn vốn trong nước.

4) Đẩy mạnh tiết kiệm, khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của nhân dân để phát triển sản xuất.

5) Cải cách hành chính, minh bạch hoá quan hệ giữa Nhà nước với các doanh nghiệp.

6) Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy - đầu tư và tái đầu tư để phát triển công nghiệp.

Từ những định hướng này, tác giả đề cập đến các giải pháp chủ yếu đẩy mạnh tích tụ, tập trung vốn trong nước thông qua ngân sách Nhà nước, qua thị trường chứng khoán, từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các hộ gia đình; tiếp tục cải cách và phát triển hệ

thống ngân hàng và các tổ chức tài chính tín dụng; khai thác và phát huy có hiệu quả các nguồn lực trong nước; tiếp tục cải cách doanh nghiệp Nhà nước trong công nghiệp: cổ phần hoá, thành lập các tổng công ty kinh doanh tổng hợp và đa dạng.

Phần nội dung thứ nhất của cuốn sách cũng dành để phân tích vai trò của Nhà nước trong việc thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn trong công nghiệp. Cụ thể:

- Trong việc tạo lập môi trường pháp lý, Nhà nước cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp được vay vốn, thuê đất đai dễ dàng. Tiếp tục đổi mới, tái sắp xếp nhanh hơn, mạnh hơn khu vực kinh tế quốc doanh, theo hướng tinh gọn, hiệu quả, năng động. Đẩy mạnh thực hiện quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp quốc doanh, tạo ra sự xã hội hoá về mặt sở hữu trong các doanh nghiệp cổ phần. Hỗ trợ, tạo mọi điều kiện và giao nhiệm vụ cho các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền, giải thích các chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước đến các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tầng lớp dân cư.

- Trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, Nhà nước cần: a) tiếp tục đảm bảo sự ổn định chính trị, sự nhất quán trong chính sách phát triển nền kinh tế thị trường và chính sách mở cửa với bên ngoài với tinh thần kiên định, cầu thị, học hỏi; b) hoàn thiện hệ thống luật pháp, quán triệt thực hiện nghiêm túc ở tất cả các cấp ngành; c) đẩy mạnh cải cách hành chính, khắc phục tình trạng quan liêu, giảm thiểu các thủ tục phiền hà; d) hiện đại hoá hệ thống thông tin liên lạc; e) nhanh chóng đào tạo và đào tạo lại bộ máy công chức và bộ máy

quản lý các doanh nghiệp; f) tăng cường chế độ kiêm nhiệm để giảm biên chế; g) thường xuyên tổ chức thi nâng bậc, ngạch để nâng cao trình độ và tạo ra cơ hội thăng tiến cho công chức Nhà nước; h) trẻ hoá đội ngũ công chức ở mọi cấp.

- Trong việc hoạch định chiến lược phát triển công nghiệp, nuôi dưỡng các ngành công nghiệp, tổ chức mở rộng thị trường, Nhà nước cần xác định rõ các ngành công nghiệp mũi nhọn, phát triển những ngành công nghiệp có triển vọng, gia tăng năng lực cạnh tranh, giảm độc quyền, mở rộng thị trường, gây dựng các thương hiệu mạnh, v.v...

Phần 2: Tầm nhìn 2050

Trên cơ sở phân tích những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 20 năm đổi mới, tác giả nhận định “những thành tựu trên còn quá khiêm tốn so với tiềm năng của nền kinh tế và so với mặt bằng chung của nền kinh tế toàn cầu. Điều đó đòi hỏi chúng ta cần phải có một cái nhìn sâu sắc hơn về chiến lược ở một tầm xa từ 20, 50, 100, 500 năm và xa hơn nữa”. Chiến lược tầm xa đó phải dựa trên nền tảng của kinh tế tri thức cho việc hoạch định quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quá trình cải cách hành chính và thực hiện các mục tiêu công bằng xã hội, xây dựng một xã hội dựa trên nền tảng là nhân tài, kết hợp liên hoàn pháp trị và đức trị.

Phần nội dung này đi sâu phân tích thực trạng phát triển đa số các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và giáo dục ở Việt Nam; đồng thời chú trọng trình bày những giải pháp cụ thể để hiện thực hoá những mục tiêu căn bản công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

I. Về lĩnh vực lý luận và thực tiễn tổng quát

Tác giả cho rằng, chúng ta đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, điều đó đòi hỏi mọi thành viên trong xã hội đều phải tìm tòi, nghiên cứu cả trong sách vở lẫn thực tiễn trong nước và thế giới, chắt lọc những kinh nghiệm quý báu làm bài học thiết thực cho sự phát triển.

Để tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tác giả nêu ra 16 giải pháp trọng yếu, trong đó có: đẩy mạnh nghiên cứu thực tiễn trong nước và thế giới, nâng cao trình độ nghiên cứu, năng lực tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận cho cán bộ đảng viên, cho đội ngũ khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; nghiên cứu về chiến lược trọng dụng nhân tài; gia tăng đầu tư cho các đề tài về xây dựng chủ nghĩa xã hội; kế thừa những tinh hoa của khoa học xã hội ở Việt Nam và phương Đông, nhất là khoa học nghiên cứu về tiềm năng con người, về trọng dụng nhân tài, tiến cử nhân tài; đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu tổng kết, phát triển lý luận; ban hành quy chế dân chủ trong sáng tạo khoa học; có chính sách phát triển khoa học xã hội tới từng địa phương; đầu tư kinh phí cho việc xuất bản các sách phổ biến về khoa học tự nhiên và xã hội; v.v...

II. Về lĩnh vực kinh tế

1. Thúc đẩy năng lực đầu tư nội địa

Từ những phân tích và nhận định về xu thế đầu tư trong nước thời gian gần đây, tác giả đề xuất một số biện pháp khuyến khích nhằm tăng cường có hiệu quả năng lực đầu tư ở Việt Nam trên cơ sở một hệ thống chính sách kinh tế mở. Các biện pháp đó bao gồm việc mở rộng mạng lưới quỹ tín dụng cho các cán bộ nghèo vay vốn để kinh doanh, giảm thuế cho các cá nhân, doanh nghiệp

đầu tư vào cơ sở hạ tầng vùng sâu vùng xa, khấu trừ mức thuế cho những việc làm đầu tư về nước, có chính sách ưu tiên vay vốn cho những công ty Việt Nam đầu tư ra nước ngoài để thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam hội nhập vào thương trường quốc tế, giảm tối đa các thủ tục vay vốn của hệ thống ngân hàng, có chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân về đất đai, mặt bằng bình đẳng với các doanh nghiệp Nhà nước để họ có thể tham gia tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế.

2. Phát triển kinh tế trang trại

Theo tác giả, trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng, chúng ta phải chú trọng phát triển kinh tế trang trại bằng cách đầu tư công sức, vốn, trí tuệ, thị trường, khuyến khích việc tích tụ vốn, tích tụ ruộng đất để hình thành các hộ gia đình làm ăn giỏi, hình thành các trang trại để tạo ra tỷ suất hàng hoá lớn. Để hiện thực hoá mục tiêu này, chúng ta cần: quan tâm hơn tới vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các trang trại, tăng cường đầu tư cho các dự án phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hoá, cải thiện các chính sách về đất đai, vay vốn, biến các trang trại thành những trung tâm kinh tế, văn hoá, thu hút việc làm và tạo ra sự văn minh cho các vùng quê, v.v...

3. Kích cầu để nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hoá cho doanh nghiệp

Những khó khăn mà nền kinh tế nước ta đang gặp phải không thể không kể đến là sức mua của dân thấp trong khi chưa có biện pháp kích cầu về đầu tư và tiêu dùng, thủ tục hành chính, xét duyệt đầu tư nước ngoài còn nhiều

phiên hà, phức tạp, các doanh nghiệp, địa phương chưa đưa ra được biện pháp kích thích sức mua, kích thích các hướng đầu tư để phát triển kinh tế. Để khắc phục những khó khăn hiện tồn, các doanh nghiệp cần tăng cường bán trả góp, bán chịu, bán trả chậm cho các hộ gia đình các vật tư hàng hoá thông qua sự bảo lãnh của chính quyền địa phương; đổi mới hệ thống quản lý trong các doanh nghiệp; kiên quyết tiết kiệm; đẩy mạnh tích tụ và tập trung vốn trong các doanh nghiệp; mở rộng thị trường, đa dạng hoá, nâng cao chất lượng các sản phẩm; cải tiến phương thức phục vụ khách hàng.

Về phía chính phủ, theo tác giả, các biện pháp kích cầu có thể là: tăng ngân sách chi cho các dự án phát triển hạ tầng vừa và nhỏ ở miền núi, nông thôn; đầu tư tín dụng để các doanh nghiệp bán hàng trả chậm, trả góp; đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến; khuyến khích các hộ gia đình, các doanh nghiệp địa phương bỏ vốn đầu tư theo kiểu đầu tư - kinh doanh - chuyển giao vào các công trình điện, đường, trường, trạm để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ngay tại địa phương; tổ chức đăng cai các hội thảo, hội chợ, các giải thi đấu quốc tế để kích thích các dịch vụ trong nước phát triển; đầu tư vào kinh tế biển; khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng quan hệ thương mại với các bạn hàng nước ngoài.

Đề cập đến các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, tác giả cũng quan tâm tìm hiểu những lợi thế và khó khăn của các làng nghề, đề xuất chiến lược khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, xem xét giải quyết bài toán xoá đói giảm nghèo cho người phụ nữ ở các địa phương, đổi mới hệ thống quản lý nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường nội địa và

quốc tế, gia tăng năng suất lao động với tính cách là yếu tố quyết định sự thăng tiến của nền kinh tế Việt Nam.

III. Về lĩnh vực giáo dục, đào tạo

1. Khai thác, phát huy vốn trí tuệ Việt Nam

Trong thế kỷ XXI, chúng ta phải nỗ lực để trở thành một nền kinh tế có khả năng cạnh tranh cao, và nguồn lợi thế quan trọng nhất của cạnh tranh chính là vốn trí tuệ, chất xám của các nhân tài và phương pháp tổ chức quản lý. Tác giả cho rằng, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào việc nâng cao trí tuệ của cộng đồng Việt Nam và đặc biệt là nâng cao tầm trí tuệ trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Chúng ta cần:

- Đẩy mạnh đầu tư cho các lớp đào tạo ngắn hạn về kinh tế thị trường, quản lý vĩ mô, công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới;

- Khuyến khích đảng viên làm kinh tế tư nhân;

- Khuyến khích phong trào tự học, tự nghiên cứu suốt đời trong cán bộ, đảng viên;

- Mạnh dạn trẻ hoá đội ngũ cán bộ, nghiên cứu để đổi mới cơ chế đề bạt cán bộ trẻ kết hợp với các độ tuổi để phát huy tính năng động của cán bộ trẻ;

- Xây dựng quy chế tiến cử nhân tài, trong đó phải quy định rõ trách nhiệm của tập thể các cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc tiến cử, giới thiệu các nhân tài trẻ tuổi phục vụ đất nước;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, bãi bỏ cơ chế “xin - cho” thay bằng cơ chế “yêu cầu” thực hiện (giải pháp này được tác giả cụ thể hoá trong một phần nội dung riêng với mong muốn cải thiện chất lượng, hiệu quả hệ thống các cơ

quan công quyền - là nơi gắn kết, điều hoà các mối quan hệ xã hội, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người dân làm giàu và thăng tiến trong mọi lĩnh vực, phát huy tài năng của cả cộng đồng, phòng chống tội phạm, ngăn ngừa sự bất bình đẳng trong xã hội);

- Chú trọng việc phân cấp, phân quyền, phân công rõ ràng quyền lợi và trách nhiệm của các cấp;

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý trong doanh nghiệp, công sở;

- Đào tạo và phổ biến phương pháp tư duy và hoạt động sáng tạo để cán bộ, đảng viên có được phương pháp luận chung trong sáng tạo, quản lý và tổ chức thực tiễn, v.v...

2. Chiến lược phát triển giáo dục và khoa học công nghệ

Luận bàn về nền kinh tế tri thức với vị thế nổi bật của các yếu tố công nghệ, tri thức và kỹ năng tổ chức và quản lý, tác giả nhận định Việt Nam đã có những yếu tố của nền kinh tế tri thức nhưng còn đơn giản và ở mức độ chưa rộng. Nền kinh tế tri thức đòi hỏi nền giáo dục của chúng ta phải đổi mới theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cập nhật và năng động. Nền kinh tế tri thức đòi hỏi các tổ chức, doanh nghiệp phải thoả mãn tính gắn kết linh hoạt, có khả năng đáp ứng và đổi mới nhanh chóng. Và nền kinh tế tri thức đòi hỏi mỗi thành viên của xã hội đều phải không ngừng học hỏi, cập nhật tri thức khoa học công nghệ nếu không muốn lạc hậu, chậm tiến.

Theo tác giả, những bước tiến cần thực hiện trong chiến lược phát triển giáo dục và khoa học công nghệ để tiến tới một nền kinh tế tri thức ở Việt Nam bao gồm:

- Tiếp tục cập nhật kiến thức thực tiễn vào sách giáo khoa, tập bài giảng cho học sinh từ phổ thông đến đại học;

- Đổi mới phương pháp dạy và học, khuyến khích khả năng tìm kiếm tri thức, suy nghĩ độc lập, tư duy sáng tạo;

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, phát triển mạng lưới đào tạo từ xa;

- Xây dựng, hun đúc lý tưởng chính trị và lý tưởng về khoa học trong thanh niên;

- Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất;

- Nâng cao vai trò của giới trí thức, doanh nhân, công nhân trong nền kinh tế;

- Thu hút mạnh hơn trí tuệ và vốn của Việt kiều đầu tư về nước, v.v...

IV. Chiến lược phát triển kinh tế tri thức Việt Nam trong thế kỷ XXI

Phân tích bối cảnh phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam, tác giả nhận thấy có rất nhiều vấn đề xã hội đặt ra trong sự chuyển đổi các quá trình kinh tế và cấu trúc lại các ngành kinh tế trong tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu. Đó là sự thay đổi trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, tư vấn, trong phương pháp xử lý thông tin, việc làm và phương pháp làm việc, phương pháp quản lý trong các doanh nghiệp công sở, thủ tục hành chính, những ứng xử trong gia đình. Những thay đổi đa dạng đó trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội buộc chúng ta phải có “một cái nhìn bình tĩnh, suy đoán sâu sắc hơn để hoạch định một lộ trình chiến lược cho sự phát triển”. Theo tác giả, các định

hướng sau đây là cần thiết để phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam:

1. Coi trọng nhân tài, coi nhân tài là vốn quý của đất nước.

2. Hướng các doanh nghiệp, công sở vào khai thác những ưu thế của công nghệ thông tin.

3. Xây dựng quan điểm và phương thức điều hành ở tầm vi mô và vĩ mô phù hợp với kinh tế tri thức.

4. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, tìm kiếm mô hình mới, phát triển lý luận dựa trên bối cảnh mới của thời đại.

Và kèm theo đó là các giải pháp về đổi mới phương pháp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội và các hội nghề nghiệp (chú trọng nghiên cứu các đặc trưng của hệ thống hành chính điều hành bằng điện tử, phát huy vai trò của “Chính phủ điện tử”), về giáo dục, khoa học công nghệ, tài chính, ngân hàng, hành chính, dịch vụ công, kết cấu hạ tầng, thị trường lao động, thương mại điện tử, gia đình và dòng tộc.

Cuốn sách khép lại với mong muốn nền kinh tế tri thức thực sự trở thành chìa khoá bật mở những tiềm năng trí tuệ, vốn, tài nguyên và những mối bang giao cho sự thành công của kinh tế Việt Nam trong thế kỷ XXI. Điều quan trọng là chúng ta phải dám vượt qua khoảng cách của tư duy thông thường để nắm được những thông tin mới, phương pháp tổ chức các nguồn lực để hành động hiệu quả, tạo những dòng hàng hoá và dịch vụ có lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, địa phương và quốc gia của mình.